TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2026/HS-ST Ngày 26 - 5 - 2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Toàn Lanh

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thuý Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: Không có), sinh năm 1994, nơi sinh: Đồng Nai; Nơi thường trú: ấp Bù Tam, xã Thiện H, thành phố Đồng Nai; nơi ở hiện tại: ấp Bù Tam, xã Thiện H, thành phố Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc P (đã chết) và bà Trương Thị Đ; có vợ: Trần Thị Thu Thảo và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: Ngày 24/5/2024, bị Toà án nhân dân (TAND) huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại Bản án số 35/2024/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/12/2024); tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2026 cho đến nay; "có mặt".

- *Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 "vắng mặt".

Nơi thường trú: Ấp Điện Ảnh, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 01/02/2026, Nguyễn Ngọc T đi nhờ xe của người dân từ khu vực ấp 14, xã Thiện H, thành phố Đồng Nai đến đường liên ấp Điện Ảnh, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai thì xuống đi bộ và phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại SIRIUS màu xám đen biển số 93G1-157.11 của chị Nguyễn Thị H sinh năm 1989, trú tại ấp Điện Ảnh, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai để trước sân nhà có sẵn chìa khóa và không có người trông coi. Ngay lúc này, Thành nảy sinh ý định trộm xe bán lấy tiền đầu xài cá nhân nên đi vào sân mở khóa rồi điều khiển xe mô tô trên đến khu vực lô cao su thuộc ấp Tân Phước, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai cất giấu.

Sau khi xảy ra vụ việc chị H đến Công an xã Hưng P, thành phố Đồng Nai để trình báo. Khoảng 10 giờ ngày 03/2/2026, Nguyễn Ngọc T đến Công an xã Hưng P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời chỉ dẫn nơi cất dấu để giao nộp xe Sirius, biển số 93G1-157.11 cho Công an xã Hưng P, thành phố Đồng Nai.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL – HĐĐGTS ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã Hưng P, thành phố Đồng Nai kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại SIRIUS màu xám đen biển số 93G1-157.11; số khung 324HY037406; số máy E3X9E100957 có giá trị là 5.000.000 (năm triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSKV13 ngày 15 tháng 4 năm 2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội, tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 09/02/2026.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius màu xám đen, biển số 93G1-157.11. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là của chị Nguyễn Thị H. Ngày 03/3/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số E128/QĐ-CSĐT, trả lại xe cho chị Nguyễn Thị H, chị H nhận lại xe nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì về tội danh và mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn, hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng Nai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của người bị hại, vật chứng vụ án đã thu giữ được, biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá trong quá trình điều tra; đồng thời phù hợp với kết luận của Đại diện Viện kiểm sát và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01/02/2026, bị cáo Nguyễn Ngọc T có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius màu xám đen, biển số 93G1-157.11 tại ấp Điện Ảnh, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai của chị Nguyễn Thị H có trị giá 5.000.000 (năm triệu đồng).

[3] Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo so với những quy định của pháp luật hình sự, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 23/CT-VKSKV13 ngày 15 tháng 4 năm 2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm.

Hơn nữa, bị cáo Nguyễn Ngọc T khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, thì trước đó bị cáo đã bị Toà án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xử phạt về các tội xâm phạm sở hữu chưa được xoá án tích, cho thấy bị cáo là người không có ý thức chấp hành pháp luật. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[5.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thu đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Thành có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.3] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bản thân bị cáo trước đó đã bị Toà án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xử phạt về các tội xâm phạm sở hữu. Cụ thể, ngày 24/5/2024, bị Toà án nhân dân (TAND) huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại Bản án số 35/2024/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/12/2024).

[6] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...". Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình truy tố người bị hại Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản, đồng thời trong thời hạn chuẩn bị xét xử bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius màu xám đen, biển số 93G1-157.11. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là của chị Nguyễn Thị H. Ngày 03/3/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số E128/QĐ-CSĐT, trả lại xe cho chị Nguyễn Thị H nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai đề nghị mức hình phạt và đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và không

áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Thành phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Hình phạt chính:

Căn cứ Điều 260, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 09/02/2026.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3. Về xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Đồng Nai;
- Công an thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 13 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 13;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Công